

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672009 - Đồ án về kỹ thuật xây dựng

STC : 1(15,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Quốc	Duy	3671030502	07/10/1994		,00	,00	Nợ HPC
2	Nguyễn Ngọc	Hoà	3671030525	28/01/1992		,00	,00	
3	Nguyễn Tuấn	Kiệt	3671030529	22/09/1994		,00	,00	
4	Lương Xuân	Dũng	3671030530	03/08/1993		5,60	5,60	
5	Nguyễn Hữu	Dụng	3671030533	25/11/1993		,00	,00	
6	Nguyễn Hoàng	Tân	3671030537	09/03/1994		,00	,00	Nợ HP
7	Nguyễn Minh	Thành	3671030538	19/10/1993		5,00	5,00	
8	Đặng	Thái	3671030540	15/08/1993		,00	,00	Nợ HPC
9	Lê Công	Tài	3671030541	24/11/1993		,00	,00	
10	Lê Nhật	Long	3671030543	18/10/1994		5,70	5,70	Nợ HP
11	Hồ Văn	Đức	3671030544	05/01/1994		6,00	6,00	
12	Nguyễn Thành	Mẫn	3671030546	26/11/1993		,00	,00	
13	Nguyễn Văn	Tài	3671030551	18/09/1994		5,00	5,00	
14	Nguyễn Hữu	Linh	3671030553	10/09/1994		,00	,00	Nợ HPC
15	Nguyễn Bá	Nhuận	3671030563	23/03/1994		,00	,00	
16	Chu Minh	Đông	3671030569	19/05/1994		5,80	5,80	
17	Nguyễn	Lâm	3671030576	02/05/1994		5,50	5,50	
18	Phạm Văn	Bình	3671030591	23/02/1994		6,70	6,70	
19	Huỳnh Thanh	Duy	3671030592	28/11/1993		,00	,00	
20	Trương Minh	Cường	3671030593	24/01/1993		,00	,00	
21	Nguyễn Thành	Tùng	3671030596	27/11/1994		6,80	6,80	
22	Lý Văn	Nguyên	3671030600	20/10/1993		,00	,00	
23	Ngô Sỹ	Hà	3671030605	27/12/1994		5,00	5,00	
24	Nguyễn Thế	Vũ	3671030607	11/07/1994		5,70	5,70	
25	Nguyễn Đức	Thiện	3671030618	29/01/1994		,00	,00	
26	Đinh Hữu	Tài	3671030620	29/06/1994		7,10	7,10	
27	Lê Công	Nhiều	3671030624	20/07/1992		,00	,00	Nợ HPC
28	Trần Huỳnh	Thái	3671030626	25/11/1994		6,20	6,20	
29	Dương Ngọc	Thạch	3671030636	14/01/1993		,00	,00	
30	Nguyễn Văn	Tuấn	3671030638	13/12/1994		,00	,00	Nợ HPC
31	Bạch Như	Khương	3671030640	18/12/1992		5,80	5,80	
32	Nguyễn Xuân	Thịnh	3671030648	20/06/1994		8,00	8,00	
33	Hồ Thanh	Duy	3671030654	09/03/1994		,00	,00	
34	Võ Văn	Quang	3671030662	01/01/1993		6,20	6,20	
35	Đoàn Thành	Lợi	3671030664	22/05/1994		6,30	6,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Minh	Dũng	3671030672	20/08/1990		5,20	5,20	
37	Nguyễn Hữu	Thái	3671030675	28/07/1994		5,00	5,00	
38	Nguyễn Văn	Toàn	3671030677	06/02/1994		,00	,00	CT
39	Dương Thanh	Xuân	3671030678	1979		,00	,00	
40	Ngô Văn	Hòa	3671030681	07/02/1994		7,40	7,40	
41	Nguyễn Hoàng Đình	Kha	3671030685	10/06/1994		5,00	5,00	
42	Nguyễn Văn	Quyết	3671030688	03/12/1994		7,20	7,20	
43	Nguyễn Ngọc Duy	Tâm	3671030693	28/12/1991		5,20	5,20	
44	Phan Nhật Đăng	Khoa	3671030700	12/05/1994		5,40	5,40	
45	La Thành	Vũ	3671030703	14/04/1994		,00	,00	CT
46	Bùi Lê	Hùng	3671030706	30/03/1994		7,30	7,30	
47	Trần Phạm Minh	Pha	3671030713	08/12/1994		,00	,00	
48	Lê Quang	Hoàng	3671030717	25/10/1993		,00	,00	Nợ HPC
49	Nguyễn Xuân	Thành	3671030722	03/07/1994		6,70	6,70	
50	Huỳnh Văn	Tâm	3671030727	17/09/1994		,00	,00	Nợ HPC
51	Nguyễn Minh	Quang	3671030729	23/06/1994				
52	Nguyễn Thế	Vĩnh	3671030730	04/03/1994				
53	Đoàn Thanh	Tú	3671030734	16/01/1993				
54	Nguyễn Văn	Phát	3671030735	10/08/1994				
55	Nguyễn Thành	Lộc	3671030739	05/02/1994		5,00	5,00	Nợ HP
56	Phan Phong	Nhã	3671030752	05/09/1994		,00	,00	Nợ HPC
57	Võ Văn	Mến	3671030756	06/10/1994				
58	Thọ Quang	Rim	3671030758	15/10/1993				
59	Huỳnh Thanh	Chúc	3671030761	10/01/1994				
60	Trần Văn	Hướng	3671030762	11/08/1993				
61	Huỳnh Tam	Giang	3671030766	27/08/1994		,00	,00	Nợ HPC
62	Trần Văn	Thao	3671030772	06/12/1993				
63	Nguyễn Đức	Toàn	3671030774	07/08/1992				
64	Nguyễn Chương	Thắng	3671030777	18/05/1993		,00	,00	Nợ HPC
65	Nguyễn Văn	Cầu	3671030781	11/06/1994				
66	Lê Bá	Cường	3671030784	01/07/1994				
67	Lê Xuân	Hiếu	3671030786	09/02/1992				
68	Nguyễn Công	Duy	3671030788	08/05/1993		,00	,00	Nợ HPC
69	Nguyễn Ngọc	Tài	3671030789	19/07/1994				
70	Trần Thế	Thường	3671030792	19/03/1994				
71	Nguyễn Thái	Hòa	3671030798	17/02/1991				
72	Nguyễn Phạm Minh	Tiến	3671030799	23/04/1994				
73	Nguyễn Văn	Tiên	3671030802	08/05/1993				
74	Lương Ngọc	Chí	3671030804	15/01/1994		,00	,00	Nợ HPC
75	Bùi Thanh	Sang	3671030807	14/03/1994				

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Văn	Anh	3671030818	23/03/1994				
77	Âu Dương	Tuấn	3671030821	12/08/1994				
78	Trần Hoàng Trí	Cường	3671030823	01/12/1994				
79	Đặng Thành	Tân	3671030836	21/01/1994				
80	Lê Trọng	Nhân	3671030840	14/05/1994				
81	Nguyễn Việt	Lực	3671030846	24/09/1994				
82	Hoàng Minh	Đức	3671030847	20/02/1993				
83	Nguyễn Trần	Đại	3671030852	01/11/1993				
84	Nguyễn Ngọc	Hiếu	3671030861	12/10/1993				
85	Nguyễn Hoàng	Phú	3671030862	29/01/1994				
86	Hồ Đoàn Quốc	Huy	3671030866	26/04/1994				
87	Lý Chánh	Tín	3671030868	26/03/1994				
88	Trần Văn	Thịnh	3671030870	25/01/1994				
89	Ngô Văn	Trung	3671030873	07/11/1994				
90	Lê Hữu	Tâm	3671030875	24/02/1994				
91	Thập Văn	Tuyền	3671030876	20/03/1992				Nợ HP
92	Nguyễn Vĩnh	Phương	3671030879	20/01/1993				
93	Phạm Trần Thành	Nam	3671030882	30/09/1994				
94	Nguyễn Văn	Ngoan	3671030887	17/04/1994				
95	Ngô Bảo	Toàn	3671030893	28/05/1991				
96	Nguyễn Quang Kỳ	Kiệt	3671030895	13/06/1994				
97	Võ Minh	Hoàng	3671030896	02/09/1994				
98	Lê Anh	Dũng	3671030899	09/09/1994				
99	Nguyễn Anh	Đức	3671030902	14/10/1994				
100	Trương Cao	Minh	3671031603	11/12/1994		,00	,00	Nợ HPC
101	Nguyễn Thanh	Phong	3671031870	07/01/1994				
102	Huỳnh Văn	Trí	3671031921	20/06/1993		,00	,00	Nợ HP
103	Đoàn Tất	Mạnh	3671031944	25/12/1993		6,30	6,30	
104	Lê Duy	Phương	3671031952	12/09/1994				
105	Phan Văn	Vũ	3671031993	14/01/1994		8,60	8,60	
106	Nguyễn Thanh Khải	Hoàng	3671032008	26/02/1994				
107	Lê Văn	Cao	3671032036	04/04/1993		5,50	5,50	
108	Nguyễn Văn	Hoàng	3671032049	18/05/1994		5,70	5,70	
109	Nguyễn Đức	Tĩnh	3671032050	29/07/1994				

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)